TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/KDTM-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Ông Hoàng Văn Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H – số 139 đường N, phường X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2023/TLST-KDTM ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2025/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng M

Địa chỉ trụ sở chính: 18 đường L, phường Y, Thành phố H1.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Lầu 5, tòa nhà M, 538 đường C, phường N, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Duy A, ông Lê Đình Q, ông Trần Minh P, ông Lê Hoài A1 (văn bản ủy quyền số 1731/UQ-MBAMC-H ngày 23/7/2025). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty V.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12B, tòa nhà C, 180 đường N, phường X, Thành phố H. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tấn Hùng A2, sinh năm 1991. Địa chỉ: 42 khu phố 3A, đường Đ, phường Đ, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 07/9/2022, Ngân hàng M – chi nhánh P (*gọi tắt là Ngân hàng*) và Công ty cổ phần đầu tư phát triển V (*gọi tắt là Công ty V)* có ký Hợp đồng cấp tín dụng 84112.22.226.70004000.TD, nội dung hợp đồng thể hiện: giá trị hạn mức cấp tín dụng:

15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng, trong đó hạn mức cho vay 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng, hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng. Giá trị hạn mức tín dụng đã bao gồm số dư của khách hàng theo hợp đồng số 84112.22.226.70004000.TD giữa Ngân hàng và Công ty V ký ngày 24/9/2021. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng đã giải ngân cho khách hàng theo các Ủy nhiệm chi và văn bản nhận nợ ngày 14/12/2022, số tiền 2.000.000.000 đồng; Ngày 15/12/2022, số tiền 1.281.000.000 đồng; Ngày 07/12/2022, số tiền 584.000.000 đồng; Ngày 10/11/2022 số tiền 535.000.000 đồng; Ngày 09/11/2022 số tiền 389.040.000 đồng; Ngày 27/9/2022 số tiền 380.000.000 đồng; Ngày 29/9/2022 số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 14/11/2022 số tiền 300.000.000 đồng; Ngày 13/12/2022 số tiền 200.000.000 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân là: 5.969.040.000 đồng. Lãi suất cho vay 14.94%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để đảm bảo khoản vay của Công ty V, ông Nguyễn Tấn Hùng A2 đã thế chấp các bất động sản gồm thửa đất số 938, tờ bản đồ số 11, diện tích 2976,5m2, địa chỉ xã T, huyện C, Thành phố H; Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 03 (khu dân cư 6B), diện tích 91,9m2, địa chỉ: Lô A2 – 48, phường L, thành phố B, tỉnh L; Thửa đất số 240, tờ bản đồ số 03 (khu dân cư 6B), diện tích 96,2m2, địa chỉ: Lô A2 – 49, phường L, thành phố B, tỉnh L; Thửa đất số 07, tờ bản đồ 108, diện tích 3880,2m2 và thửa đất số 06, tờ bản đồ số 108, diện tích 4366,7m2, địa chỉ thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B.

- *Về ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các khoản vay bị quá hạn từ tháng 12/2022, tính đến ngày 21/12/2023 Công ty V đã trả được lãi số tiền 18.544.665 đồng; Nợ gốc đã trả 0 đồng. Dư nợ tạm tính đến ngày 13/8/2025 tại Ngân hàng là 8.247.543.082 đồng; trong đó nợ gốc 5.969.040.000 đồng; nợ lãi: 2.278.503.082 đồng. Ngân hàng đã gửi thông báo, công văn yêu cầu Công ty V trả nợ và yêu cầu ông Nguyễn Tấn Hùng A2 bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý theo đúng quy định nhưng Công ty V và ông Nguyễn Tấn Hùng A2 đều không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Buộc Công ty V thanh toán cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/8/2025 là: 8.247.543.082 đồng; trong đó nợ gốc 5.969.040.000 đồng và nợ lãi 2.278.503.082 đồng. Buộc Công ty V tiếp tục trả lãi theo thoả thuận kể từ ngày 14/8/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp Công ty V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và trả không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Nguyễn Tấn Hùng A2 để thu hồi nợ.

- Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết Giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Tấn Hùng A2 trình bày: Ông xác nhận có dùng 05 bất động sản là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông để thế chấp bảo đảm khoản vay cho Công ty V tại Ngân hàng M. Với tư cách là chủ sở hữu các tài sản bảo đảm và cũng thành viên của Công ty V, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông trong thời hạn 06 tháng để thu xếp tài chính cá nhân thanh toán nợ cho Ngân hàng và rút các tài sản bảo đảm.

Toà án không tiến hành hoà giải được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố H phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Ý kiến về việc giải quyết vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án*:

Ngân hàng M khởi kiện Công ty đầu tư phát triển V có địa chỉ trụ sở chính tại tầng 12B, tòa nhà C, 180 đường N, phường V, quận B (nay là phường X), Thành phố H yêu cầu trả nợ theo Hợp đồng cấp tín dụng số 84112.22.226.70004000.TD ký ngày 07/9/2022 mà các bên đã xác lập. Đây là tranh chấp giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố H được quy định tại Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về tố tụng*:

Bị đơn – Công ty V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Tấn Hùng A2 vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

Ngân hàng M yêu cầu Tòa án buộc Công ty V thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 tổng cộng là 8.395.344.065 đồng, trong đó: nợ gốc là 5.969.040.000 đồng và tiền lãi là 2.426.304.065 đồng. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Phòng thi hành án dân sự có thẩm quyền. Buộc Công ty V tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo lãi suất do Ngân hàng quy định cho đến ngày Công ty V trả hết nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp không thanh toán đủ thì phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3.1] Về nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng số 84112.22.226.70004000.TD ký ngày 07/9/2022 thể hiện Công ty V được vay khoản tín dụng với hạn mức cấp tín dụng là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng cho khoản vay được nêu trong từng lần giải ngân, nhận nợ và theo thỏa thuận chung; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 20/8/2023. Xét sự thỏa thuận và ký kết trên giữa Ngân hàng M và Công ty V là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 117, Điều 385, Điều 463 Bộ luật dân sự, nên Hợp đồng tín dụng trên có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bị đơn đã thanh toán phần nợ gốc cho Ngân hàng do đó có căn cứ chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty V thanh toán số nợ gốc là 5.969.040.000 đồng.

[3.2] Về nợ lãi:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi đến ngày 29/9/2025 là 2.426.304.065 đồng. Trong đó: Lãi trong hạn 279.113.378 đồng, lãi quá hạn 2.128.575.845 đồng và lãi chậm trả 18.614.842 đồng. Phía bị đơn không ý kiến về số tiền lãi phải trả theo Hợp đồng tín dụng cũng như cách thức tính lãi. Xét thấy Hợp đồng cấp tín dụng số 84112.22.226.70004000.TD ký ngày 07/9/2022 và trong các văn bản nhận nợ, các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn 14.94%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm. Mức lãi suất trong hạn, lãi suất vi phạm và lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận phù hợp với các quy định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả lãi theo hợp đồng hai bên đã ký kết, số tiền lãi tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 2.426.304.065 đồng.

[3.3] Về phương thức và thời gian thanh toán:

Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi kể từ ngày ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty V phải thanh toán gốc và lãi cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3.4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty V gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 108, diện tích 3880.2m^2, địa chỉ: thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B; GCNQSDĐ số CU 357467; Số vào cấp GCN: CH01493, do UBND huyện T cấp ngày 06/4/2020, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 21/7/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 06, tờ bản đồ số 108, diện tích 4366.7m^2, địa chỉ: thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B; GCNQSDĐ số CU 357465; Số vào cấp GCN: CH01492, do UBND huyện T cấp ngày 06/4/2020, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 21/7/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 240, tờ bản đồ số 03, diện tích 96.2m^2, địa chỉ: Lô A2-49, phường L, thành phố B, tỉnh L; GCNQSDĐ số CH 546549 ; Số vào cấp GCN: CT 00929, do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 01/12/2017, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 10/5/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 239, tờ bản đồ số 03 (khu dân cư 6B), diện tích 91.9m^2, địa chỉ: Lô A2-48, phường L, thành phố B, tỉnh L; GCNQSDĐ số CH 546548 ; Số vào cấp GCN: CT 00928, do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 01/12/2017, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 31/3/2021.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 938, tờ bản đồ số 11, diện tích 2976.5m^2, địa chỉ: Xã T, huyện C, thành phố H; GCNQSDĐ số BL 464237; Số vào cấp GCN: CH05335, do UBND huyện C cấp ngày 06/8/2012, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 09/9/2020.

Xét thấy các Hợp đồng thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với các quy định pháp luật do đó, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Tấn Hùng A2 có hiệu lực pháp luật.

Do đó, để đảm bảo việc thu hồi nợ và quyền xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng quyền yêu cầu Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

[4] *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Căn cứ Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty V phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp là 50.000.000 đồng.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm*:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng M được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 385, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng M:

Buộc bị đơn – Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V phải trả số tiền gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng cấp tín dụng số 84112.22.226.70004000.TD ký ngày 07/9/2022 tính đến ngày 29/9/2025 là 8.395.344.065 (tám tỷ ba trăm chín mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi lăm) đồng, trong đó: nợ gốc là 5.969.040.000 (năm tỷ chín trăm sáu mươi chín triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng và tổng nợ lãi là 2.426.304.065 (hai tỷ bốn trăm hai mươi sáu ba trăm lẻ bốn nghìn không trăm sáu mươi lăm) đồng. Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V còn phải chịu lãi tính trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 84112.22.226.70004000.TD ký ngày 07/9/2022.

Sau khi Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng M thì Ngân hàng phải trả lại bản chính và các giấy tờ có liên quan đến các tài sản thế chấp cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2.

Trường hợp Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng M có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm

quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà ông Nguyễn Tấn Hùng A2 đã ký thế chấp với Ngân hàng để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 07, tờ bản đồ số 108, diện tích 3880.2m2, địa chỉ: thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B; GCNQSDĐ số CU 357467; Số vào cấp GCN: CH01493, do UBND huyện T cấp ngày 06/4/2020, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 21/7/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 06, tờ bản đồ số 108, diện tích 4366.7m2, địa chỉ: thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh B; GCNQSDĐ số CU 357465; Số vào cấp GCN: CH01492, do UBND huyện T cấp ngày 06/4/2020, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 21/7/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 240, tờ bản đồ số 03, diện tích 96.2m2, địa chỉ: Lô A2-49, phường L, thành phố B, tỉnh L; GCNQSDĐ số CH 546549 ; Số vào cấp GCN: CT 00929, do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 01/12/2017, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 10/5/2021;

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 239, tờ bản đồ số 03 (khu dân cư 6B), diện tích 91.9m2, địa chỉ: Lô A2-48, phường L, thành phố B, tỉnh L; GCNQSDĐ số CH 546548 ; Số vào cấp GCN: CT 00928, do Sở Tài nguyên môi trường tỉnh L cấp ngày 01/12/2017, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 31/3/2021.

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 938, tờ bản đồ số 11, diện tích 2976.5m2, địa chỉ: Xã T, huyện C, thành phố H; GCNQSDĐ số BL 464237; Số vào cấp GCN: CH05335, do UBND huyện C cấp ngày 06/8/2012, Chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn Hùng A2 ngày 09/9/2020..

3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V phải hoàn trả lại cho Ngân hàng M chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 116.395.344 (một trăm mười sáu triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bốn) đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng M số tiền tạm ứng án phí 57.292.184 (năm mươi bảy triệu hai trăm chín mươi hai nghìn một trăm tám mươi bốn) đồng theo Biên lai thu số 0002244 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1, Thành phố H).

5. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. H;
- VKSND KV1;
- THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1

JMW290925.TL.QDBA
3239

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Nguyễn Nhật Minh